

SOẠN BÀI VỊNH KHOA THI HƯƠNG (TRẦN TẾ XƯƠNG)

Bố cục

- Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi
- Hai câu thực: Cảnh tượng khi đi thi
- Hai câu luận: Những ông to bà lớn đến trường thi
- Hai câu kết: Thái độ phê bình của nhà thơ với kì thi

Câu 1 (trang 34 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):

Kì thi có điều khác thường là trường Nam thi lẫn với trường Hà. Từ “lẫn”: lẫn lộn, báo hiệu điều gì thiếu nghiêm túc, ô hợp, láo nháo trong kì thi.

Câu 2 (trang 34 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):

- Hình ảnh:

+ Sĩ tử: lôi thôi, vai đeo lọ → dáng vẻ luộm thuộm, nhếch nhác.

+ Quan trường: âm ọe, miệng thét loa → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ.

- Nghệ thuật:

+ Sử dụng từ láy tương thanh và tương hình: âm ọe, lôi thôi.

+ Đối: lôi thôi sĩ tử >< âm ọe quan trường.

+ Đảo ngữ: Đảo trật tự cú pháp “lôi thôi sĩ tử”, “âm ọe quan trường”.

⇒ Sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, mặc dù đây là một kì thi Hương quan trọng của nhà nước

⇒ Cảnh trường thi phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho.

Câu 3 (trang 34 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):

- Hình ảnh:

+ Quan sứ: Viên quan người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị của tỉnh Nam Định được tiếp đón trong thể.

+ Mu đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà.

⇒ Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi.

- Nghệ thuật đối: Long >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mu đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm ha nhục bọn quan lại, thực dân.

⇒ Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến.

Câu 4 (trang 34 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):

- Tâm trạng thái độ của tác giả trước cảnh tương trường thi: Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước. Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ với chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông.

- Hai câu cuối như một lời nhắn nhủ các sĩ tử về nỗi nhục mất nước. Nhà thơ hỏi người nhưng cũng chính là hỏi mình.